TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/DS-ST
Ngày: 10-4-2019
V/v tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Ngọc Tiên
Bà Tiêu Thị Kim Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2019/QĐHPT-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N, địa chỉ: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Phát H1, trú tại: Đường G, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 402/UQ-HCM.THE ngày 30 tháng 7 năm 2018). (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc H, sinh năm: 1975, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần N (Sau đây viết tắt là ngân hàng) và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Phát H1 là đại diện của nguyên đơn trình bày ngày 12/12/2014 ngân hàng

phát hành một thẻ tín dụng Visa tài khoản số VP0070900, loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông Nguyễn Đắc H với tổng hạn mức tín dụng là 500.000.000 đồng.

Thẻ tín dụng quốc tế trên được ông H sử dụng để chi tiêu cho nhu cầu cá nhân và sau đó không thanh toán sao kê nhiều kỳ cho ngân hàng mặc dù ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả một lần số tiền nợ gốc 488.101.078 đồng, nợ lãi 21.360.121 đồng và nợ phí 10.152.473 đồng, tổng cộng: 519.613.672 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2019 theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/12/2014. Sau khi ngân hàng khởi kiện ông H có chuyển khoản trả cho ngân hàng số tiền 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông H trả tiền nợ gốc 414.849.916 đồng, nợ tiền lãi 81.998.092 đồng và nợ phí rút tiền 9.995.567 đồng, tổng cộng: 506.843.575 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/12/2014 tương ứng với số tiền chưa thanh toán cho đến khi ông H trả nợ xong.

Ngoài ra, đại diện nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Do ông H có cư trú tại địa phương nhưng bỏ đi đâu không rõ nên việc tống đạt trực tiếp không thể thực hiện được nên Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt ông H theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Buộc ông Nguyễn Đắc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền nợ gốc 414.849.916 đồng, nợ tiền lãi 81.998.092 đồng và nợ phí rút tiền 9.995.567 đồng, tổng cộng: 506.843.575 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo yêu cầu phát

hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/12/2014 tương ứng với số tiền chưa thanh toán cho đến khi ông H trả nợ xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo hợp đồng tín dụng ghi địa chỉ bị đơn cư trú tại số: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; kết quả xác minh bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương đi đâu không rõ; bị đơn bỏ đi không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú mới đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Do đương sự: Ông H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ngân hàng thấy rằng, thỏa thuận của các bên trong phiếu yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/12/2014 mà ngân hàng ký kết với ông H là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 về nội dung lẫn hình thức.

Căn cứ vào phiếu yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/12/2014, bảng sao kê chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng thì việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở để xem xét. Sau khi sử dụng thẻ để chi tiêu cho nhu cầu cá nhân thì ông H phải có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ tiền lãi và nợ phí rút tiền nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là vi phạm Điều 4, Điều 5 trong thỏa thuận phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết. Do đó, yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa buộc ông H phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 414.849.916 đồng, nợ tiền lãi 81.998.092 đồng và nợ phí rút tiền 9.995.567 đồng, tổng cộng: 506.843.575 đồng cho ngân hàng là cơ sở để chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngân hàng yêu cầu ông H có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận của yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/12/2014 là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nghĩ buộc ông H trả cho ngân hàng số tiền 506.843.575 đồng theo thỏa thuận trong yêu cầu phát hành thẻ

tín dụng quốc tế ngày 12/12/2014, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là thỏa đáng và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải trả số tiền 506.843.575 đồng nên phải chịu án phí là 20.000.000 + 106.843.575 x 4% = 24.273.743 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí là 12.392.274 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0001012 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N.

1. Buộc ông Nguyễn Đắc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền nợ gốc 414.849.916 đồng, nợ tiền lãi 81.998.092 đồng và nợ phí rút tiền 9.995.567 đồng, tổng cộng: 506.843.575 (Năm trăm lẻ sáu triệu, tám trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm bảy mươi lăm) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đắc H phải chịu là 24.273.743 (Hai mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm bốn mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí là 12.392.274 (Mười hai triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, hai trăm bảy mươi bốn) đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0001012 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA